

Số: /BC-UBND

Lai Châu, ngày tháng 5 năm 2026

## BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ

### Kết quả Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Lai Châu năm 2025

Ngày 15/5/2026, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) tổ chức Lễ công bố Báo cáo kinh tế tư nhân Việt Nam năm 2025 trong đó công bố chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI năm 2025. Trên cơ sở kết quả được đánh giá, UBND tỉnh báo cáo phân tích kết quả Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) Lai Châu năm 2025 như sau:

#### I. Giới thiệu cấu trúc, phương pháp, những điều chỉnh của PCI 2025

Năm 2025, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) thực hiện khảo sát PCI trong bối cảnh cả nước triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp với 34 tỉnh, thành phố sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, PCI 2025 có nhiều thay đổi về cấu trúc chỉ số, phương pháp đánh giá và phạm vi đo lường nhằm phản ánh sát hơn chất lượng điều hành kinh tế địa phương trong giai đoạn mới. PCI 2025 (PCI 2.0) là bản nâng cấp của khung đánh giá giai đoạn 2021-2024, loại bỏ các biến số không còn phù hợp (PCI 2024 gồm 10 chỉ số thành phần, 142 chỉ tiêu chấm điểm), đồng thời tích hợp các thước đo mới nhằm phản ánh những thách thức quản trị địa phương mang tính thời sự, tái cấu trúc các chỉ số thành phần, hiệu chỉnh hệ thống trọng số, nội hàm các chỉ số thành phần bám sát với các định hướng cải cách vĩ mô hiện nay như đổi mới sáng tạo, hội nhập quốc và tăng trưởng xanh (PCI 2025 gồm 9 chỉ số thành phần, 98 chỉ tiêu tính điểm).

Do sự thay đổi lớn về số lượng đơn vị hành chính cấp tỉnh và điều chỉnh cấu trúc PCI nên báo cáo phân tích kết quả PCI 2025 tỉnh Lai Châu được diễn giải như năm gốc đầu tiên của một chu kỳ đo lường mới, không tham chiếu, so sánh với kết quả PCI năm 2024 (Báo cáo chuyên đề số 277/BC-UBND ngày 13/6/2025) và các mục tiêu thực hiện năm 2025 theo Kế hoạch số 3710/KH-UBND ngày 10/7/2025.

#### II. Phân tích kết quả PCI tỉnh Lai Châu năm 2025

Năm 2025, VCCI thực hiện khảo sát và đánh giá năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Việt Nam trên 9 chỉ số thành phần (CSTP) với 98 tiêu chí chấm điểm, gồm: (1) Gia nhập thị trường; (2) Tiếp cận nguồn lực; (3) Tính minh bạch; (4) Chi phí tuân thủ; (5) Chi phí không chính thức; (6) Cạnh tranh bình đẳng; (7) Chính

sách Hỗ trợ doanh nghiệp; (8) Thiết chế pháp lý; (9) Chính quyền kiến tạo.

**1. Kết quả tổng thể:** tỉnh Lai Châu đạt **60,64 điểm**, xếp thứ **28/34** tỉnh thành, thuộc mức chất lượng điều hành Trung bình (trong 6 mức xếp hạng chất lượng điều hành theo PCI 2025 gồm: “Rất tốt” (0/34), “Tốt” (5/34), “Khá” (13/34), “Trung bình” (10/34), “Tương đối thấp” (5/34), “Thấp” (1/34).

- *Kết quả điểm số các chỉ số thành phần như sau:*

STT	Chỉ số thành phần (CSTP)	Số chỉ tiêu chấm điểm	Điểm số	Điểm trung vị	Xếp hạng
1	Gia nhập thị trường	10	6,93	7,07	22/34
2	Tiếp cận nguồn lực	10	5,91	6,05	19/34
3	Tính minh bạch	12	6,41	6,93	28/34
4	Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính	12	6,91	7,31	27/34
5	Chi phí không chính thức	8	6,94	7,6	29/34
6	Cạnh tranh bình đẳng	10	6,24	5,51	11/34
7	Hỗ trợ doanh nghiệp và lao động	17	5,1	5,43	29/34
8	Thiết chế pháp lý	11	6,31	7,29	31/34
9	Chính quyền kiến tạo	8	5,04	5,46	26/34

Kết quả PCI năm 2025 cho thấy môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh còn nhiều khó khăn; chất lượng điều hành kinh tế chưa đồng đều giữa các lĩnh vực. Trong 09 chỉ số thành phần, chỉ có 01 chỉ số nằm trong nhóm khá của cả nước là Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng; nhiều chỉ số quan trọng như Thiết chế pháp lý, Chi phí không chính thức, Hỗ trợ doanh nghiệp, Tính minh bạch và Chính quyền kiến tạo có thứ hạng thấp, phản ánh những hạn chế trong chất lượng thực thi công vụ, tính minh bạch và hiệu quả hỗ trợ doanh nghiệp.

## **2. Phân tích kết quả 09 Chỉ số thành phần**

**(1) CSTP Gia nhập thị trường:** Đạt 6,93 điểm, xếp thứ 22/34 tỉnh, thành phố, thấp hơn mức trung vị cả nước (7,07 điểm). Chỉ số gồm 10 chỉ tiêu, trong đó có 04 chỉ tiêu đạt kết quả tốt hơn mức trung vị và 06 chỉ tiêu thấp hơn mức trung vị.

\* *Về kết quả tích cực:* Chỉ số Gia nhập thị trường có một số kết quả khả quan, nổi bật là thời gian trung vị hoàn thành thủ tục đăng ký doanh nghiệp chỉ 03 ngày, xếp thứ 4/34, tốt hơn nhiều so với mức trung vị cả nước (06 ngày), cho thấy thủ tục đăng ký doanh nghiệp cơ bản được giải quyết nhanh chóng. Các thủ

tục cấp phép kinh doanh có điều kiện cũng được đánh giá tương đối tích cực; tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng thời gian thực hiện thủ tục không kéo dài hơn quy định đạt 69,23%, xếp thứ 10/34 và tỷ lệ chi phí cấp phép không vượt quy định đạt 69,23%, xếp thứ 9/34. Bên cạnh đó, tỷ lệ doanh nghiệp phải trì hoãn hoặc hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do khó khăn trong đăng ký doanh nghiệp chỉ ở mức 13,16%, xếp thứ 9/34, cho thấy thủ tục gia nhập thị trường chưa phải là rào cản lớn đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

\* *Về hạn chế:* Chất lượng hướng dẫn và giải quyết thủ tục gia nhập thị trường còn hạn chế. Tỷ lệ doanh nghiệp phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp từ 02 lần trở lên ở mức 40,91%, xếp thứ 21/34; chỉ tiêu hướng dẫn thủ tục đăng ký doanh nghiệp rõ ràng, đầy đủ chỉ đạt 53,13%, xếp thứ 24/34. Đối với thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện, các chỉ tiêu về hướng dẫn thủ tục và thực hiện đúng quy định đều chỉ đạt 61,54%, xếp lần lượt thứ 27/34 và 25/34. Tỷ lệ doanh nghiệp phải chờ trên 01 tháng để hoàn tất thủ tục đi vào hoạt động là 19,51%, cao hơn mức trung vị cả nước (16,50%). Đáng chú ý, có tới 38,46% doanh nghiệp phải trì hoãn hoặc hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do khó khăn khi xin giấy phép kinh doanh có điều kiện, xếp thứ 29/34; đây là nội dung ảnh hưởng lớn nhất đến chất lượng Chỉ số Gia nhập thị trường năm 2025.

\* **Nhận xét chung:** Chỉ số Gia nhập thị trường cho thấy tỉnh đã có chuyển biến tích cực trong rút ngắn thời gian đăng ký doanh nghiệp. Tuy nhiên, chất lượng hướng dẫn thủ tục và hiệu quả giải quyết thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện còn hạn chế; tình trạng hồ sơ phải sửa đổi, bổ sung nhiều lần vẫn phổ biến, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai hoạt động của doanh nghiệp.

**(2) CSTP Tiếp cận nguồn lực:** Đạt 5,91 điểm, xếp thứ 19/34 tỉnh, thành phố, thấp hơn mức trung vị cả nước (6,05 điểm). Chỉ số gồm 10 chỉ tiêu, trong đó có 05 chỉ tiêu tốt hơn, 01 chỉ tiêu tương đương và 04 chỉ tiêu thấp hơn mức trung vị.

\* *Về kết quả tích cực:* Một số chỉ tiêu về tiếp cận đất đai và vốn có kết quả tương đối tích cực. Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh thời gian giải quyết hồ sơ đất đai kéo dài hơn quy định là 50%, xếp thứ 14/34, cho thấy mức độ chậm trễ thấp hơn mặt bằng chung cả nước. Điểm đánh giá rủi ro bị thu hồi đất đạt 1,76 điểm, xếp thứ 15/34; tỷ lệ doanh nghiệp không thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do lo ngại thủ tục rườm rà hoặc những nhiễu chỉ ở mức 7,69%, xếp thứ 6/34, thấp hơn nhiều so với trung vị cả nước. Một số chỉ tiêu về tiếp cận vốn cũng có kết quả khá như tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận được vốn vay đạt 29,51%, xếp thứ 13/34; tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chính quyền chủ động kết nối doanh nghiệp với ngân hàng đạt 17,74%, xếp thứ 13/34.

\* *Về hạn chế:* Doanh nghiệp vẫn gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận đất đai và hạ tầng hỗ trợ số. Tỷ lệ doanh nghiệp gặp khó khăn trong tiếp cận hoặc

mở rộng mặt bằng kinh doanh ở mức 23,44%, xếp thứ 19/34; có tới 50,00% doanh nghiệp phải trì hoãn hoặc hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do vướng mắc thủ tục đất đai, tương đương mức trung vị cả nước. Bên cạnh đó, hiệu quả các chính sách hỗ trợ tiếp cận vốn chưa được đánh giá cao, với chỉ tiêu chính sách hỗ trợ lãi suất dễ tiếp cận và thực chất chỉ đạt 52,50%, xếp thứ 18/34. Đáng chú ý, nhóm chỉ tiêu về dữ liệu mở và nền tảng số hỗ trợ doanh nghiệp là điểm nghẽn lớn nhất của chỉ số năm 2025; trong đó chất lượng các nền tảng số dùng chung hỗ trợ doanh nghiệp chỉ đạt 49,18%, xếp thứ 30/34, thấp hơn nhiều so với trung vị cả nước (59,14%).

**Nhận xét chung:** Chỉ số Tiếp cận nguồn lực của tỉnh có một số kết quả tích cực như mức độ rủi ro bị thu hồi đất thấp, doanh nghiệp ít e ngại khi thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hoạt động kết nối tín dụng có chuyển biến. Tuy nhiên, doanh nghiệp vẫn gặp khó khăn trong tiếp cận, mở rộng mặt bằng kinh doanh; thủ tục đất đai còn ảnh hưởng đến kế hoạch đầu tư và chất lượng dữ liệu mở, nền tảng số hỗ trợ doanh nghiệp còn thấp so với mặt bằng chung cả nước.

**(3) CSTP Tính minh bạch:** Đạt 6,41 điểm, xếp thứ 28/34 tỉnh, thành phố, thấp hơn mức trung vị cả nước (6,93 điểm). Chỉ số gồm 12 chỉ tiêu, trong đó có 05 chỉ tiêu cao hơn, 01 chỉ tiêu tương đương và 06 chỉ tiêu thấp hơn mức trung vị.

\* *Về kết quả tích cực:* Chỉ số Tính minh bạch có một số kết quả tích cực về khả năng tiếp cận và dự báo thông tin chính sách. Khả năng tiếp cận tài liệu pháp lý đạt 3,25 điểm, xếp thứ 6/34, cao hơn mức trung vị cả nước; khả năng tiếp cận tài liệu quy hoạch đạt mức trung vị 3,00 điểm, cho thấy doanh nghiệp cơ bản có thể tiếp cận các thông tin phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Điểm đánh giá độ mở thông tin trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh đạt 59,11 điểm, xếp thứ 13/34, cao hơn trung vị cả nước. Bên cạnh đó, các chỉ tiêu về khả năng dự liệu chính sách cũng có kết quả khá; tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng có thể dự liệu việc thực thi pháp luật Trung ương đạt 45,90%, xếp thứ 10/34 và dự liệu được thay đổi quy định của tỉnh đạt 50,00%, xếp thứ 13/34, phản ánh môi trường thực thi chính sách của tỉnh có tính ổn định và khả năng dự báo nhất định.

\* *Về hạn chế:* Chỉ số Tính minh bạch còn nhiều hạn chế, đặc biệt ở chất lượng và hiệu quả cung cấp thông tin cho doanh nghiệp. Chỉ tiêu mức độ hữu ích của thông tin trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh chỉ đạt 1,74 điểm, xếp cuối cả nước (34/34), cho thấy thông tin công khai còn thiếu đầy đủ, khó khai thác và chưa thực sự hỗ trợ doanh nghiệp hiệu quả. Việc cung cấp thông tin dự thảo chính sách và phản hồi kiến nghị doanh nghiệp còn chậm; mức độ kịp thời trong cung cấp thông tin chỉ đạt 2,50 điểm, xếp thứ 25/34, trong khi tỷ lệ doanh nghiệp nhận được phản hồi, giải quyết thỏa đáng kiến nghị chỉ đạt 42,86%, xếp thứ 23/34. Bên

cạnh đó, vẫn còn 37,29% doanh nghiệp cho rằng cần có “mối quan hệ” để tiếp cận thông tin hoặc giải quyết công việc, phản ánh yếu tố không chính thức vẫn tồn tại trong quá trình thực thi công vụ. Hoạt động đấu thầu công khai, minh bạch cũng chưa được đánh giá cao khi chỉ đạt 88,33%, xếp thứ 24/34.

**Nhận xét chung:** Chỉ số Tính minh bạch của tỉnh có điểm tích cực ở khả năng tiếp cận tài liệu pháp lý, độ mở thông tin và khả năng dự báo chính sách. Tuy nhiên, hạn chế lớn nhất là chất lượng và tính hữu ích của thông tin công khai còn thấp; việc cung cấp thông tin dự thảo chính sách, phản hồi kiến nghị doanh nghiệp và tính minh bạch trong tiếp cận thông tin, đấu thầu chưa đáp ứng tốt yêu cầu thực tiễn.

**(4) CSTP Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính(TTHC):** Đạt 6,91 điểm, xếp thứ 27/34 tỉnh, thành phố, thấp hơn mức trung vị cả nước (7,31 điểm). Chỉ số gồm 12 chỉ tiêu, trong đó có 05 chỉ tiêu tốt hơn và 07 chỉ tiêu thấp hơn mức trung vị.

\* *Về kết quả tích cực:* Công tác giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến đã có một số chuyển biến tích cực. Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cán bộ nhà nước “thân thiện” đạt 92,59%, cao hơn trung vị cả nước; 79,63% doanh nghiệp đánh giá cán bộ giải quyết công việc hiệu quả. Việc triển khai dịch vụ công trực tuyến bước đầu mang lại hiệu quả, với 74,19% doanh nghiệp cho rằng giúp tiết giảm thời gian và 77,42% đánh giá giúp giảm chi phí thực hiện thủ tục; điểm đánh giá chất lượng dịch vụ công trực tuyến đạt 10,39 điểm, cao hơn trung vị cả nước. Bên cạnh đó, tỷ lệ doanh nghiệp bị thanh tra, kiểm tra trùng lặp chỉ ở mức 8%, thấp hơn trung vị cả nước, cho thấy công tác phối hợp trong hoạt động thanh tra, kiểm tra đã có cải thiện.

\* *Về hạn chế:* Gánh nặng tuân thủ thủ tục hành chính vẫn còn lớn, doanh nghiệp phải dành nhiều thời gian và chi phí để thực hiện thủ tục. Có tới 35,94% doanh nghiệp cho biết phải dành trên 10% quỹ thời gian hoạt động để làm việc với cơ quan nhà nước và thực hiện TTHC. Hiệu quả thực chất của dịch vụ công trực tuyến chưa cao, khi chỉ có 72,58% doanh nghiệp không gặp khó khăn trong thực hiện thủ tục trực tuyến, thấp hơn nhiều so với trung vị cả nước (88,94%); mức độ tiết giảm thời gian và chi phí từ TTHC trực tuyến cũng thấp hơn đáng kể mặt bằng chung, cho thấy vẫn còn tình trạng “trực tuyến hình thức”. Bên cạnh đó, tỷ lệ doanh nghiệp bị thanh tra, kiểm tra từ hai lần trở lên trong năm đạt 17,46%, cao hơn trung vị cả nước, phản ánh tình trạng chông chéo, thiếu phối hợp trong hoạt động thanh tra, kiểm tra vẫn chưa được khắc phục triệt để.

**Nhận xét chung:** Kết quả chỉ số “Chi phí tuân thủ TTHC” cho thấy Lai Châu đã có những chuyển biến tích cực về tinh thần phục vụ của đội ngũ cán bộ và bước đầu cải thiện chất lượng dịch vụ công trực tuyến. Tuy nhiên, điểm nghẽn lớn hiện nay vẫn là hiệu quả thực chất của cải cách TTHC chưa rõ nét;

doanh nghiệp vẫn phải bỏ nhiều thời gian và chi phí để hoàn thành thủ tục. Trong thời gian tới, tỉnh cần tập trung mạnh hơn vào cải cách quy trình xử lý thực tế, nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến và giảm tối đa gánh nặng tuân thủ cho doanh nghiệp nhằm cải thiện thứ hạng và nâng cao niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp đối với môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh.

**(5) CSTP Chi phí không chính thức:** Đạt 6,94 điểm, xếp thứ 29/34 tỉnh, thành phố, thấp hơn mức trung vị cả nước (7,60 điểm). Chỉ số gồm 08 chỉ tiêu, trong đó chỉ có 01 chỉ tiêu đạt kết quả tương đối tích cực, còn 07 chỉ tiêu thấp hơn mức trung vị hoặc còn hạn chế.

\* *Về kết quả tương đối tích cực:* Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết chi phí không chính thức luôn hoặc thường giúp công việc được giải quyết như mong muốn là 63,16%, xếp thứ 13/34, thấp hơn mức trung vị 66,25%. Đây là chỉ tiêu bất lợi nên tỷ lệ thấp hơn trung vị cho thấy mức độ phụ thuộc vào chi phí không chính thức thấp hơn mặt bằng chung. Tuy nhiên, tỷ lệ này vẫn còn cao, phản ánh doanh nghiệp vẫn có cảm nhận nhất định về vai trò của chi phí không chính thức trong giải quyết công việc.

\* *Về hạn chế:* Chi phí không chính thức vẫn còn xuất hiện ở nhiều lĩnh vực và ảnh hưởng đáng kể đến môi trường đầu tư, kinh doanh. Có 50,79% doanh nghiệp cho rằng doanh nghiệp cùng ngành thường phải chi trả chi phí không chính thức cho cán bộ nhà nước, cao hơn mức trung vị cả nước; đặc biệt, tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh phát sinh chi phí không chính thức trong thanh tra, kiểm tra là 20,00%, xếp thứ 28/34. Trong hoạt động đấu thầu, có tới 53,85% doanh nghiệp cho rằng phải chi chi phí không chính thức để bảo đảm trúng thầu, phản ánh yêu cầu cấp thiết phải nâng cao tính công khai, minh bạch trong lựa chọn nhà thầu. Bên cạnh đó, tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá tình trạng “chạy án” là phổ biến đạt 25,71%, xếp thứ 32/34, cho thấy niềm tin vào thiết chế pháp lý còn hạn chế; tình trạng những nhiễu trong giải quyết thủ tục hành chính và tỷ lệ doanh nghiệp phải chi trên 10% doanh thu cho chi phí không chính thức vẫn cao hơn mức trung vị cả nước.

**Nhận xét chung:** Chỉ số Chi phí không chính thức của tỉnh Lai Châu năm 2025 còn nhiều hạn chế. Doanh nghiệp vẫn phản ánh tình trạng phát sinh chi phí không chính thức trong thanh tra, kiểm tra, đấu thầu và giải quyết thủ tục hành chính; đồng thời niềm tin vào tính minh bạch và công bằng trong thực thi pháp luật còn chưa cao. Đây là những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường đầu tư, kinh doanh và niềm tin của doanh nghiệp đối với cơ quan nhà nước.

**(6) CSTP Cạnh tranh bình đẳng:** Đạt 6,24 điểm, xếp thứ 11/34 tỉnh, thành phố, cao hơn mức trung vị cả nước (5,51 điểm). Chỉ số gồm 10 chỉ tiêu, trong đó có 07 chỉ tiêu tốt hơn mức trung vị và 03 chỉ tiêu còn hạn chế.

\* *Về kết quả tích cực:* Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng có kết quả tương đối tích cực, thể hiện qua việc doanh nghiệp chưa cảm nhận rõ sự ưu tiên đối với doanh nghiệp lớn trong tiếp cận nguồn lực và cơ hội kinh doanh. Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng doanh nghiệp lớn có lợi thế hơn trong giải quyết thủ tục hành chính chỉ ở mức 25,81%, xếp thứ 7/34; lợi thế trong miễn, giảm thuế và tiếp cận đất đai đều ở mức 22,58%, xếp thứ 14/34 và 12/34; lợi thế trong tiếp cận hợp đồng từ cơ quan nhà nước ở mức 16,13%, xếp thứ 14/34. Bên cạnh đó, các chỉ tiêu về ưu tiên thu hút đầu tư, tiếp cận thông tin thuận lợi cho doanh nghiệp lớn đều thấp hơn mức trung vị cả nước, cho thấy môi trường cạnh tranh giữa doanh nghiệp lớn với doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh cơ bản được đánh giá là tương đối bình đẳng.

\* *Về hạn chế:* Tuy nhiên, một số chỉ tiêu vẫn cho thấy doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, còn cảm nhận nhất định về sự chưa bình đẳng trong tiếp cận nguồn lực và hỗ trợ từ chính quyền: Chỉ tiêu đánh giá các nguồn lực kinh tế chủ yếu rơi vào tay doanh nghiệp có liên kết chặt chẽ với chính quyền đạt 66,13%, xếp thứ 19/34; tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng sự quan tâm của chính quyền không phụ thuộc vào mức đóng góp của doanh nghiệp đạt 85,19%, xếp thứ 19/34. Đáng chú ý, tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng tình ưu tiên giải quyết khó khăn cho doanh nghiệp lớn hơn doanh nghiệp nhỏ và vừa là 38,71%, xếp thứ 27/34, cao hơn mức trung vị 30,57%; phản ánh doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa thực sự cảm nhận được sự hỗ trợ kịp thời, tương xứng. Bên cạnh đó, tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng ưu đãi dành cho doanh nghiệp lớn gây cản trở hoạt động của doanh nghiệp đạt 58,06%, xếp thứ 21/34. Các kết quả này cho thấy tình cần tiếp tục nâng cao tính công khai, minh bạch trong phân bổ nguồn lực, thực hiện chính sách hỗ trợ và giải quyết khó khăn cho doanh nghiệp theo hướng công bằng, đồng đều giữa các nhóm doanh nghiệp.

**Nhận xét chung:** Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của tỉnh Lai Châu năm 2025 có kết quả tương đối tích cực, đặc biệt ở các nội dung liên quan đến thủ tục hành chính, chính sách thuế, tiếp cận đất đai và hợp đồng từ cơ quan nhà nước. Tuy nhiên, doanh nghiệp vẫn còn cảm nhận về sự ưu tiên trong hỗ trợ, giải quyết khó khăn và tiếp cận thông tin đối với doanh nghiệp lớn; do đó cần tiếp tục nâng cao tính công bằng, minh bạch và tăng cường hỗ trợ khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa.

**(7) CSTP Hỗ trợ doanh nghiệp:** Đạt 5,10 điểm, xếp thứ 29/34 tỉnh, thành phố, thấp hơn mức trung vị cả nước (5,43 điểm). Chỉ số gồm 17 chỉ tiêu, trong đó có 08 chỉ tiêu tốt hơn mức trung vị và 09 chỉ tiêu thấp hơn mức trung vị hoặc còn hạn chế.

\* *Về kết quả tích cực:* Một số chương trình hỗ trợ doanh nghiệp được đánh giá tương đối phù hợp và đáp ứng nhu cầu thực tế. Mức độ thuận lợi khi thực hiện thủ tục để hưởng các chương trình hỗ trợ của tỉnh đạt 2,92 điểm, xếp

thứ 14/34; mức độ các chương trình hỗ trợ đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp xếp thứ 5/34, cao hơn trung vị cả nước. Nhóm hỗ trợ hội nhập quốc tế và hỗ trợ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo có kết quả khá tích cực; trong đó tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá các chương trình hỗ trợ hội nhập đáp ứng nhu cầu đạt 50,00%, xếp thứ 6/34, và tỷ lệ doanh nghiệp nhận hỗ trợ tài chính cho khoa học công nghệ đạt 9,38%, xếp thứ 6/34. Bên cạnh đó, chi phí tuyển dụng và đào tạo lao động của doanh nghiệp ở mức thấp, lần lượt chỉ chiếm 3,00% và 4,00% tổng chi phí kinh doanh, thuộc nhóm xếp hạng cao của cả nước.

\* *Về hạn chế:* Khả năng tiếp cận các chương trình hỗ trợ của doanh nghiệp còn hạn chế khi tỷ lệ số loại hình hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận được chỉ đạt 64,76%, xếp thứ 23/34. Thị trường dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp còn yếu và thiếu đa dạng; tỷ lệ nhà cung cấp dịch vụ trên tổng số doanh nghiệp chỉ đạt 1,89%, trong khi tỷ lệ nhà cung cấp tư nhân và nước ngoài chỉ đạt 80,00%, xếp thứ 33/34. Chất lượng giáo dục, đào tạo nghề và nguồn nhân lực địa phương còn nhiều bất cập: tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá giáo dục phổ thông có chất lượng tốt chỉ đạt 58,06% (xếp thứ 33/34), giáo dục nghề nghiệp đạt 42,86% (xếp thứ 32/34); tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 18,41%, xếp thứ 28/34. Đáng chú ý, mức độ đáp ứng về tay nghề kỹ thuật và kỹ năng số của lao động địa phương chỉ đạt 3,00 điểm, xếp thứ 32/34, thấp hơn nhiều so với trung vị cả nước (4,00 điểm), cho thấy chất lượng nguồn nhân lực vẫn là điểm nghẽn lớn ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh và khả năng thu hút đầu tư của tỉnh.

**Nhận xét chung:** Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh Lai Châu năm 2025 có điểm tích cực ở chất lượng một số chương trình hỗ trợ, hỗ trợ hội nhập quốc tế, hỗ trợ khoa học công nghệ và chi phí tuyển dụng, đào tạo lao động ở mức thấp. Tuy nhiên, hạn chế lớn nằm ở khả năng tiếp cận rộng rãi các chính sách hỗ trợ, sự phát triển của thị trường dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, chất lượng giáo dục - đào tạo và khả năng đáp ứng về tay nghề, kỹ năng số của lao động địa phương.

**(8) CSTP Thiết chế pháp lý:** Đạt 6,31 điểm, xếp thứ 31/34 tỉnh, thành phố, thấp hơn mức trung vị cả nước (7,29 điểm). Chỉ số gồm 11 chỉ tiêu, trong đó chỉ có 01 chỉ tiêu cao hơn mức trung vị, còn lại 10 chỉ tiêu thấp hơn mức trung vị hoặc còn hạn chế.

\* *Về kết quả tích cực:* Tỷ lệ doanh nghiệp tin tưởng và sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết tranh chấp kinh tế đạt 36,36%, xếp thứ 6/34, cao hơn nhiều so với trung vị 22,01%. Đây là điểm tích cực, cho thấy doanh nghiệp vẫn có niềm tin nhất định vào vai trò của tòa án trong giải quyết tranh chấp kinh tế, thương mại.

\* *Về hạn chế:* Chỉ số Thiết chế pháp lý còn nhiều vấn đề cần lưu ý, đặc biệt ở niềm tin của doanh nghiệp đối với tính công bằng và hiệu quả thực thi pháp

luật. Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá phán quyết của tòa án công bằng, khách quan và bảo đảm thi hành chỉ đạt 77,97%, xếp thứ 34/34; tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng hệ thống pháp luật bảo vệ tốt quyền và lợi ích hợp pháp đạt 84,75%, cũng xếp thứ 34/34. Công tác bảo đảm an ninh trật tự còn bất cập khi tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh bị trộm cắp hoặc đột nhập lên tới 18,03%, xếp cuối cả nước. Bên cạnh đó, các cơ chế giải quyết tranh chấp ngoài tòa án chưa được sử dụng phổ biến; tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hòa giải, trọng tài chỉ đạt 48,57%, xếp thứ 27/34. Hiệu quả thi hành án, hỗ trợ pháp lý và mức độ sử dụng thiết chế tòa án trong giải quyết tranh chấp kinh doanh còn thấp, cho thấy môi trường pháp lý và cảm nhận an toàn pháp lý của doanh nghiệp vẫn chưa thực sự vững chắc.

**Nhận xét chung:** Chỉ số Thiết chế pháp lý của tỉnh Lai Châu năm 2025 có điểm tích cực ở mức độ tin tưởng và sẵn sàng sử dụng tòa án của doanh nghiệp. Tuy nhiên, hạn chế lớn nằm ở bảo đảm an ninh trật tự, hiệu quả bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp, chất lượng xét xử, tính công bằng của phán quyết, hiệu quả thi hành án và chất lượng hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

**(9) CSTP Chính quyền kiến tạo:** Đạt 5,04 điểm, xếp thứ 26/34 tỉnh, thành phố, thấp hơn mức trung vị cả nước (5,46 điểm). Chỉ số gồm 08 chỉ tiêu, trong đó chỉ có 01 chỉ tiêu cao hơn mức trung vị, còn lại 07 chỉ tiêu thấp hơn mức trung vị hoặc còn hạn chế.

\* *Về kết quả tích cực:* Tỷ lệ doanh nghiệp tin tưởng lãnh đạo địa phương hành động để thực hiện các cam kết cải thiện môi trường kinh doanh đạt 68,25%, xếp thứ 14/34, cao hơn trung vị 63,66%. Đây là điểm tích cực, cho thấy cộng đồng doanh nghiệp vẫn ghi nhận quyết tâm và cam kết của lãnh đạo tỉnh trong cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và đồng hành cùng doanh nghiệp.

\* *Về hạn chế:* Doanh nghiệp chưa đánh giá cao tính năng động, linh hoạt và hiệu quả điều hành của chính quyền tỉnh. Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá thái độ của chính quyền đối với khu vực tư nhân là tích cực chỉ đạt 58,33%, xếp thứ 18/34; chỉ tiêu UBND tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật đạt 60,32%, xếp thứ 23/34 và năng động, sáng tạo trong xử lý các vấn đề phát sinh đạt 56,45%, xếp thứ 21/34. Tính ổn định, nhất quán của chính sách chưa được doanh nghiệp đánh giá cao khi chỉ đạt 55,56%, xếp thứ 22/34. Đáng chú ý, hiệu quả xử lý khó khăn cho doanh nghiệp sau đối thoại chưa rõ nét; tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng các vướng mắc được tháo gỡ kịp thời chỉ đạt 57,14%, xếp thứ 23/34. Bên cạnh đó, các chỉ tiêu về thực thi chủ trương của lãnh đạo tỉnh tại sở, ngành và cấp cơ sở đều có thứ hạng thấp (29/34 và 28/34), cho thấy khoảng cách giữa chỉ đạo của tỉnh với quá trình tổ chức thực hiện ở cơ sở vẫn còn lớn.

**Nhận xét chung:** Chỉ số Chính quyền kiến tạo của tỉnh Lai Châu năm 2025 cho thấy doanh nghiệp vẫn ghi nhận quyết tâm và cam kết cải thiện môi trường kinh doanh của lãnh đạo tỉnh. Tuy nhiên, hạn chế chủ yếu nằm ở tính

linh hoạt, sáng tạo trong điều hành; tính ổn định, nhất quán của chính sách; hiệu quả tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp; và đặc biệt là chất lượng thực thi chính sách của các sở, ngành và chính quyền cơ sở.

### **III. Đánh giá chung kết quả PCI tỉnh Lai Châu năm 2025**

Năm 2025 là năm đầu tiên triển khai bộ chỉ số PCI 2.0 với nhiều thay đổi về cấu trúc và phương pháp đánh giá. Trong bối cảnh đó, tỉnh Lai Châu đạt 60,64 điểm, xếp thứ 28/34 tỉnh, thành phố, thuộc nhóm chất lượng điều hành “Trung bình”. Kết quả này cho thấy môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh đã có một số chuyển biến tích cực, song vẫn còn nhiều hạn chế cần khắc phục, cải thiện.

Một số kết quả tích cực nổi bật là thời gian đăng ký doanh nghiệp được rút ngắn; môi trường cạnh tranh giữa doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp nhỏ và vừa tương đối bình đẳng; một số chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, hội nhập quốc tế, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo bước đầu phát huy hiệu quả. Tinh thần phục vụ của đội ngũ cán bộ trong giải quyết thủ tục hành chính có chuyển biến tích cực; tình trạng thanh tra, kiểm tra trùng lặp từng bước được giảm bớt.

Tuy nhiên, trong 09 chỉ số thành phần có tới 07 chỉ số thấp hơn mức trung vị cả nước, đặc biệt các chỉ số về Thiết chế pháp lý, Chi phí không chính thức, Hỗ trợ doanh nghiệp, Chính quyền kiến tạo, Tính minh bạch và Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính có thứ hạng thấp. Các điểm nghẽn chủ yếu nằm ở chất lượng thông tin công khai, hiệu quả dịch vụ công trực tuyến, thủ tục hành chính còn gây khó khăn; tình trạng chi phí không chính thức vẫn còn; chất lượng nguồn nhân lực và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp còn hạn chế; niềm tin của doanh nghiệp vào tính công bằng, hiệu quả thực thi pháp luật chưa cao. Đồng thời, vẫn còn khoảng cách giữa chủ trương, chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh với quá trình tổ chức thực hiện tại một số cơ quan, đơn vị và chính quyền cơ sở.

### **IV. Nhiệm vụ, giải pháp cải thiện PCI tỉnh Lai Châu trong thời gian tới**

Để cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao chất lượng điều hành kinh tế và cải thiện Chỉ số PCI trong những năm tiếp theo, các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các xã, phường cần tập trung triển khai một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

- Tiếp tục quán triệt, triển khai hiệu quả các chủ trương, Nghị quyết của Trung ương và của tỉnh về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và phát triển kinh tế tư nhân; trọng tâm là Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị và các Chương trình, Kế hoạch thực hiện của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và của tỉnh, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh Lai Châu; thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 20/5/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về cải thiện môi

trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; đồng thời nghiên cứu, tham mưu các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp cho giai đoạn tiếp theo.

- Tập trung triển khai hiệu quả Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm, cải thiện kết cấu hạ tầng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường xúc tiến và thu hút đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong thực thi công vụ, hỗ trợ doanh nghiệp; khắc phục tình trạng chậm trễ, né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, minh bạch cho doanh nghiệp; đẩy mạnh chuyển đổi số, công khai, minh bạch thông tin về quy hoạch, đất đai, đầu tư, đấu thầu, thủ tục hành chính và chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.

- Các sở, ban, ngành và địa phương chủ động rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ cải thiện PCI; kịp thời xác định các nội dung còn hạn chế, nguyên nhân và giải pháp khắc phục phù hợp với từng ngành, lĩnh vực và địa phương.

- Nâng cao chất lượng đối thoại, tiếp nhận và xử lý kiến nghị của doanh nghiệp, nhà đầu tư; phát huy hiệu quả các kênh thông tin, đường dây nóng, cổng thông tin điện tử và các tổ công tác của UBND tỉnh trong theo dõi, đôn đốc và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp.

- Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ban, ngành và địa phương theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện các nhiệm vụ cải thiện PCI; tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh hằng năm.

Trên đây là Báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Lai Châu năm 2025./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Sở, ban, ngành và các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Hiệp Hội Doanh nghiệp tỉnh Lai Châu;
- Hội Doanh nhân trẻ tỉnh Lai Châu;
- Đảng ủy, UBND các xã, phường;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, Hcc7.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Tổng Thanh Hải**